TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 26/7/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Giang
2. Bà Nguyễn Thị Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2018/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm: 1963.
Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1968.
Cùng địa chỉ: Số nhà 25, khu 1, ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
(Bà T ủy quyền cho ông C theo Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018).
2. *Bị đơn*: Ông **Trần Phu C**, sinh năm: 1959 (tên gọi khác: **S**).
Địa chỉ: Số nhà 30, khu 1, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Bà **Mã Lộc M**, sinh năm:1960.
Địa chỉ: Số nhà 30, khu 1, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà M (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018)*:*
Anh **Huỳnh Văn H**, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Số 7/23, tổ 7, ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông C và anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện các ngày 10/4/2018 và 12/4/2018, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Vào ngày 24/12/2016, ông Trần Phu C có vay của vợ chồng ông số tiền 200.000.000đ, các bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng (một tháng đóng tiền lãi là 3.000.000đ), thời gian vay 06 tháng, sau đó gia hạn thêm 06 tháng là 12 tháng,

mục đích vay kinh doanh máy chà và chăn nuôi heo, cá sấu. Khi vay tiền và trả tiền lãi thì chỉ một mình ông C giao dịch trực tiếp với vợ chồng ông. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền. Vợ chồng ông C đã đóng được 12 tháng tiền lãi với số tiền tổng cộng là 36.000.000đ. Ông có ghi vào sổ theo dõi việc trả tiền lãi và hiện ông đang giữ sổ. Vợ chồng ông C đóng tiền lãi đến tháng 12 năm 2017 thì không có khả năng đóng tiền lãi nữa, nên hai bên thỏa thuận viết giấy vay tiền ghi ngày 28/12/2017 với số tiền gốc còn nợ 200.000.000đ và lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận hẹn 05 tháng kể từ ngày 28/12/2017 sẽ trả nợ. Vào ngày 23/4/2018 và ngày 23/5/2018, vợ chồng ông C đã trả cho vợ chồng ông 10.000.000đ tiền lãi, sau này các bên thỏa thuận giảm tiền lãi xuống còn 1%/tháng. Số tiền 200.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông. Đối với số tiền lãi vợ chồng ông C đã trả là 46.000.000đ thì ông không có ý kiến gì.

Nay vợ chồng ông yêu cầu ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M phải trả một lần số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ trên.

Ngoài ra, ông C không có yêu cầu nào khác và không cung cấp thêm tài, liệu chứng cứ gì thêm.

- Theo bản tự khai các ngày 12/6/2018, 21/6/2018, 04/7/2018, biên bản ghi lời khai, biên bản phiên họp, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Phu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Lộc M là anh Huỳnh Văn H trình bày:

Anh thừa nhận sự việc vay tiền giữa vợ chồng ông C với vợ chồng ông C đúng như lời trình bày của ông C. Vào ngày 24/12/2016, ông C và bà M có vay của ông C và bà T số tiền 200.000.000đ các bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng (một tháng đóng tiền lãi là 3.000.000đ), thời gian vay 06 tháng, sau đó gia hạn thêm 06 tháng là một năm, mục đích vay kinh doanh máy chà, chăn nuôi heo và cá sấu. Lúc vay hai bên có viết giấy vay. Khi vay tiền và trả tiền lãi chỉ mình ông C giao dịch trực tiếp với ông C và bà T, nhưng việc vay tiền nhằm mục đích kinh doanh trong gia đình nên vợ ông C là bà Mã Lộc M biết và cũng đồng ý với thỏa thuận vay tiền nêu trên. Ông C và bà M đã đóng được 12 tháng tiền lãi với số tiền tổng cộng là 36.000.000đ. Ông C có ghi vào sổ theo dõi việc trả tiền lãi và hiện ông C đang giữ sổ. Vợ chồng ông C đóng tiền lãi đến tháng 12 năm 2017 thì không khả năng đóng tiền lãi nữa, nên ông C đã viết giấy vay tiền ghi ngày 28/12/2017 với số tiền gốc còn nợ 200.000.000đ và thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, hẹn 05 tháng kể từ ngày 28/12/2017 sẽ trả nợ. Ngày 23/4/2018 và ngày 23/5/2018, ông C và bà M trả thêm 10.000.000đ tiền gốc, sau này các bên thỏa thuận đưa 10.000.000đ đã trả này trừ vào tiền lãi, do vậy số tiền nợ gốc hiện nay là 200.000.000đ và giảm tiền lãi xuống còn 1%/tháng.

Anh thừa nhận ông C và bà M còn nợ ông C và bà T số tiền gốc 200.000.000đ và đồng ý trả số tiền này. Đồng thời, cũng đồng ý tiền lãi 1%/tháng (lãi suất tiền vay của 200.000.000đ chứ không phải lãi suất chậm trả) tính từ ngày 29/5/2018 cho đến khi trả hết số nợ trên. Tuy nhiên, anh đề nghị được trả theo phương thức: chia làm 03 lần, mỗi năm trả 67.000.000đ trả trong vòng 3 năm cho đến hết số nợ gốc, thời điểm bắt đầu từ ngày 01/01/2019. Đối với tiền lãi trả hàng tháng với lãi suất 1%/tháng trên số dư nợ gốc còn lại. Đối

với số tiền lãi ông C và bà M đã trả cho ông C và bà T là 46.000.000đ thì anh không có ý kiến gì.

Ngoài ra, anh H không có yêu cầu nào khác và không cung cấp thêm tài, liệu chứng cứ gì thêm.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện của ông C và bà T: Ông C và bà T cung cấp giấy vay tiền và bị đơn thừa nhận còn nợ 200.000.000đ, nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C và bà T. Về tiền lãi: Ghi nhận ý kiến của ông C tính lãi 1%/tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà T, buộc ông C và bà M phải trả cho ông c và bà T số tiền gốc 200.00.00đ và tiền lãi 1%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông C và bà M phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh thi hành án xong.

Về án phí: Ông C và bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về việc thụ lý vụ án: Theo Giấy vay tiền ngày 28/12/2017 thì thời điểm trả nợ các bên thỏa thuận là ngày 28/5/2018. Ngày 13/4/2018 ông C và bà T có đơn khởi kiện vợ chồng ông C. Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì bị đơn thì ông C phải trả tiền lãi hàng tháng nhưng ông C không thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi nên Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện ông C và bà T thì quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp vay tài sản" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, ông Trần Phu C là bị đơn, bà Mã Lộc M là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án.

[4] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 26, 35, 68, 147, 184, 220, 266 và

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và photo cho các đương sự theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa cũng đã công bố lại cho các đương sự biết. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M phải trả một lần số gốc tiền 200.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ trên.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông C, bà T đã xuất trình Giấy vay tiền đề ngày 28/12/2017 (bút lục 51) thể hiện ông C và bà M còn nợ 200.000.000đ và thừa nhận ông C và bà M đã trả được 46.000.000đ tiền lãi. Ông C và bà M cũng đã thừa nhận hiện còn nợ số tiền gốc 200.000.000đ đúng như theo giấy vay tiền trên và số tiền lãi đã trả là 46.000.000đ như nguyên đơn trình bày. Như vậy, đây là chứng cứ mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo lời trình bày của hai bên thì ngày mà các bên xác lập giao dịch vay tiền là ngày 24/12/2016 với số tiền 200.000.000đ các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời gian vay là 12 tháng. Ông C và bà M đã trả số tiền lãi đến ngày 24/12/2017 là: 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000đ. Do vợ chồng ông C không có khả năng trả nợ nên ngày 28/12/2017 các bên mới viết lại giấy vay tiền ghi số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận hẹn 05 tháng trả nợ kể từ ngày vay, có nghĩa thời điểm ông C, bà M phải trả nợ cho ông C, bà T là ngày 28/5/2018. Như vậy, việc vay nợ ngày 24/12/2016 hai bên đã thống nhất chuyển sang khoản vay mới như nêu trên, các bên không có yêu cầu tính lại lãi nên không xem xét lại.

Xét yêu cầu đối với tiền nợ gốc: Ông C và bà T yêu cầu ông C và bà M trả một lần số tiền 200.000.000đ. Như nêu trên, các bên thừa nhận số nợ gốc là 200.000.000đ. Ông C và bà M đề nghị trả số nợ trên thành 03 đợt với lý do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông C và bà T không đồng ý cho ông C và bà M trả thành nhiều đợt. Khi vay tiền tuy chỉ có một mình ông C nhận tiền nhưng ông C vay tiền về chăn nuôi, bà M biết và đồng ý việc vay này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đề nghị của ông C và bà M về việc trả nợ trong 03 đợt, mà chấp nhận yêu cầu về số nợ gốc của ông C và bà T, buộc ông C và bà M trả một lần cho ông C và bà T số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ.

Xét yêu cầu đối với tiền lãi:

Theo thỏa thuận thì lãi suất là 1,5%/tháng, thỏa thuận này không trái Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với số tiền lãi 10.000.000đ mà ông C và bà M đã trả vào các ngày 23/4/2018 và 23/5/2018, các bên thống nhất trả lãi trong 5 tháng (1%/tháng), không vượt quá mức mà hai bên thỏa thuận, có lợi cho ông C và bà M và không yêu cầu xem xét nên không xem xét số tiền lãi này.

Đối với yêu cầu tính lãi: Người khởi kiện ông C và bà T yêu cầu ông C và bà M phải trả tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết số tiền 200.000.000đ. Xét thấy yêu cầu này của ông C và bà T không phù hợp với quy định của pháp luật và không thể tính toán được số lãi phải trả ở giai đoạn thi hành án, mà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông C và bà T có quyền yêu cầu thi hành án, nếu ông C và bà M chậm thi hành án phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, chỉ tính lãi từ ngày hết hạn trả nợ theo giấy vay (ngày 29/5/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2018), cụ thể: Theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất là 20%/năm của số tiền vay tương đương 1.66%/tháng, tuy nhiên ông C và bà T chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là có lợi cho ông C và bà M nên chấp nhận yêu cầu của ông C và bà T. Số tiền lãi phải trả là: 200.000.000đ x 1% x 58 ngày = 3.866.500đ.

Qua nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị T (không chấp nhận tính lãi ở giai đoạn thi hành án), buộc ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M phải trả cho ông C và bà T tổng số tiền là 203.866.500đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000đ, tiền nợ lãi là 3.866.500đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí:

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.250.000đ ông C, bà T đã nộp theo biên lai số 004970 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M phải chịu số tiền 203.866.500đ x 5% = 10.193.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cơ bản phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 68, 147, 184, 220, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M.

Buộc ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M trả cho ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 203.866.500 (hai trăm lẽ ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 3.866.500đ (ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.250.000đ ông C, bà T đã nộp theo biên lai số 004970 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M phải chịu 10.193.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Phu C và bà Mã Lộc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hà